

**DANANG SEAPRODUCTS
IMPORT-EXPORT CORPORATION**
No.: 55./CV-CBTT

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

*Re: Information disclosure of the Decision
on Administrative Penalties for Violations of
Tax Laws*

Da Nang, July 14, 2025

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

To:

- *The State Securities Commission*
- *Ha Noi Stock Exchange*

1. Name of organization: **DANANG SEAPRODUCTS IMPORT-EXPORT CORPORATION**

- Stock code: **SPD**

- Address: 01 Bui Quoc Hung Street, Son Tra Ward, Da Nang City

- Tel.: 0236 3821436 Fax: 0236 3921958

- Email: info@seadanang.com.vn

2. Contents of disclosure:

Danang Seaproducts Import-Export Corporation would like to inform that:

On June 26, 2025, Danang Seaproducts Import-Export Corporation received the Decision No. 2564/QD-XP HC-CCTKV.XII on administrative penalties for tax violations issued by the Regional Tax Sub-Department No. XII. The Company has fully complied with the penalty payment and remedial obligations in accordance with the regulations.

The Company had disclosed the information on its corporate website. However, due to an oversight, the Company failed to publish the information on the CIMS Portal of the Hanoi Stock Exchange within the required timeframe. Upon discovering the omission, the Company promptly took corrective action and has completed the full information disclosure.

3. This information was published on the company's website on June 26, 2025, as in the link www.seadanang.com.vn.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Recipients:

- As above;
- Archived: VT, Secretary.

Attached

Decision No. 2564/QD-XP HC-CCTKV.XII on administrative penalties for tax violations issued by the Regional Tax Sub-Department No. XII

DANANG SEAPRODUCTS IMPORT-EXPORT CORPORATION
GENERAL DIRECTOR



Trần Như Thiên My

CỤC THUẾ
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC XII

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2564 /QĐ-XPFC-CCTKV.XII

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2025

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 03... Ngày 26/06/2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ KHU VỰC XII

Căn cứ Điều 57; Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản sửa đổi;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-BTC ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế khu vực thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-CCTKV.XII ngày 17/3/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XII về việc phân công lĩnh vực, đơn vị phụ trách của Lãnh đạo Chi cục Thuế khu vực XII;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CCTKV.XII ngày 17/3/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XII về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho các Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XII;

Căn cứ Biên bản kiểm tra ký ngày 11/6/2025 giữa Đoàn kiểm tra thành lập theo Quyết định số 1884/QĐ-CCTKV.XII ngày 13/05/2025 và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra- Kiểm tra số 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;

Mã số thuế: 0400100778;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400100778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 30/11/2023;

Người đại diện theo pháp luật: Trần Như Thiên My; Giới tính: Nữ; Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Hành vi khai sai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn; khai sai chi phí tính thuế TNDN, khai sai số tiền giảm trừ gia cảnh dẫn đến thiếu số tiền thuế TNDN và thuế TNCN phải nộp; không nộp các phụ lục theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm: 2021, 2022.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và khoản 3 Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

5. Các tình tiết tăng nặng: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, số tiền phạt: 90.281.985 đồng (Bằng chữ: Chín mươi triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

Phạt về hành vi khai sai dẫn đến tăng số tiền thuế GTGT được hoàn, thiếu số tiền thuế TNDN và thuế TNCN phải nộp theo Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (theo tỷ lệ 20% trên số thuế truy thu, thu hồi hoàn): $336.409.926 \times 20\% = 67.281.985$ đồng.

Phạt hành vi không nộp các phụ lục theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm: 2021, 2022 theo quy định tại khoản 4d Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ: 23.000.000 đồng.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc nộp đủ số tiền thuế GTGT đã hoàn vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và tiền chậm nộp tiền thuế theo Quyết định thu hồi hoàn thuế số 2563/QĐ-CCTKV.XII ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XII.

- Buộc nộp đủ số tiền thuế TNDN và thuế TNCN khai thiếu vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số tiền: 327.402.633 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Thuế TNDN là 300.421.000 đồng, Thuế TNCN là 26.981.633 đồng.

- Tiền chậm nộp tiền thuế: 56.332.833 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Tiền chậm nộp tiền thuế TNDN là 48.107.016 đồng, Tiền chậm nộp tiền thuế TNCN là 8.225.817 đồng.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 12/6/2025; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 13/6/2025 đến ngày liền kề trước ngày Công ty nộp số tiền thuế thu hồi hoàn, tiền thuế truy thu vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Giảm số lỗ năm 2020 còn được chuyển kỳ sau (năm 2024): 4.398.611.084 đồng.

- Khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021, 2022.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp phải nộp là 474.017.451 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm mười bảy nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng).

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà: Trần Như Thiên My, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước khu vực XII theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau:

H.C.N
CỤC
HUẾ
VỤ
XII
THUẾ


- Nộp vào tài khoản 7111 của Chi cục Thuế khu vực XII (mã cơ quan thu: 1054323) mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực XII (Phòng giao dịch số 7 - 0169) trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này:

- + Chương 554, Tiểu mục 1052, số tiền: 300.421.000 đồng;
- + Chương 557, Tiểu mục 1001, số tiền: 26.981.633 đồng;
- + Chương 554, Tiểu mục 4254, số tiền: 84.885.659 đồng;
- + Chương 557, Tiểu mục 4268, số tiền: 5.396.326 đồng;
- + Chương 557, Tiểu mục 4917, số tiền: 8.225.817 đồng;
- + Chương 554, Tiểu mục 4918, số tiền: 48.107.016 đồng.

b) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước khu vực XII để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Trưởng phòng Thanh tra, kiểm tra số 3 để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Trưởng phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 3 để biết và phối hợp thực hiện Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- NVDTPC;
- Lưu: VT, TTKT3.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phạm Đức Thường

I. Xử lý phạt thu, phạt vi phạm hành chính:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền thuế tăng thêm qua kiểm tra	Số tiền thuế còn phải truy thu qua kiểm tra	Phạt hành vi khai sai thuế (20%)	Phạt không nộp phạt GDLK
1	Thuế GTGT thu hồi hoàn kỳ hoàn 01/2024- 04/2024	9.007.293	9.007.293	1.801.459	
	kỳ hoàn 05/2024- 08/2024	2.737.060	2.737.060	547.412	
2	Thuế TNCN	26.981.633	26.981.633	5.396.326	
	Thuế TNCN năm 2020	6.972.172	6.972.172	1.394.434	
	Thuế TNCN năm 2021	4.937.999	4.937.999	987.600	
	Thuế TNCN năm 2022	11.894.625	11.894.625	2.378.925	
	Thuế TNCN năm 2023	3.176.837	3.176.837	635.367	
3	Thuế TNDN	300.421.000	300.421.000	60.084.200	23.000.000
	Thuế TNDN năm 2021				11.500.000
	Thuế TNDN năm 2022	79.217.290	79.217.290	15.843.458	11.500.000
	Thuế TNDN năm 2023	221.203.710	221.203.710	44.240.742	
	Tổng cộng	336.409.926	336.409.926	67.281.985	23.000.000

II. Tiền chậm nộp tiền thuế:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền thuế còn phải truy thu qua thanh tra	số thuế nộp thừa theo kê khai	Số tiền thuế phải nộp	Hạn nộp	Tính chậm nộp từ ngày	Tính chậm nộp đến ngày	Số ngày chậm nộp	Tỷ lệ áp dụng	Số tiền chậm nộp
1	Thuế GTGT thu hồi hoàn kỳ hoàn 01/2024- 04/2024	9.007.293		9.007.293	25/06/2024	25/06/2024	12/06/2025	353	0,03%	731.906
	kỳ hoàn 05/2024- 08/2024	2.737.060		2.737.060	21/10/2024	21/10/2024	12/06/2025	235	0,03%	289.855
2	Thuế TNCN	26.981.633		26.981.633				-		442.051
	Thuế TNCN năm 2020	6.972.172		6.972.172	31/03/2021	01/04/2021	12/06/2025	1.534	0,03%	8.225.817
	Thuế TNCN năm 2021	4.937.999		4.937.999	31/03/2022	01/04/2022	12/06/2025	1.169	0,03%	3.208.594
	Thuế TNCN năm 2022	11.894.625		11.894.625	31/03/2023	01/04/2023	12/06/2025	804	0,03%	1.731.756
	Thuế TNCN năm 2023	3.176.837		3.176.837	01/04/2024	02/04/2024	12/06/2025	437	0,03%	2.868.984
3	Thuế TNDN	300.421.000		600.842.000				-		416.483
	Thuế TNDN năm 2022	79.217.290		79.217.290	31/03/2023	01/04/2023	12/06/2025	804	0,03%	48.107.016
	Thuế TNDN năm 2023	221.203.710		221.203.710	01/04/2024	02/04/2024	12/06/2025	437	0,03%	19.107.210
	Tổng cộng	336.409.926	0	636.830.926						28.999.806
	Tổng số thuế truy thu:	336.409.926								57.064.739
	Tổng số tiền phạt khai sai	67.281.985								
	Tổng số tiền phạt không nộp phạt GDLK	23.000.000								
	Tổng số tiền chậm nộp:	57.064.739								
	Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp là:									

(Bảng chữ: bốn trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi đồng)

483.756.650 đồng